

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN DƯƠNG  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 13-9-2021  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Minh Huế

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đỗ Văn Thư

Ông Vũ Văn Thi

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Mai Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 194/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82A/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Mai Thị D, sinh năm 1977; Nơi ĐKTT: Thôn K, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

***- Bị đơn:*** Anh Lê Văn L, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Thôn K, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong Đơn khởi kiện, tại Bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Mai Thị D trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị kết hôn với anh Lê Văn L trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 01 tháng 02 năm 1999. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình anh L ở thôn K, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng

hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L thường xuyên uống rượu, mỗi khi uống rượu say, anh L thường đánh chửi chị. Mặt khác, anh L còn có biểu hiện quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Vì vậy, vợ chồng tình cảm lạnh nhạt, thường xuyên xảy ra va chạm đánh cãi chửi nhau. Từ khoảng tháng 5 năm 2020 đến nay, chị đã bỏ về cư trú cùng với bố, mẹ đẻ chị tại thôn H, xã Đ sống ly thân với anh L. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn L.

Về con chung: Chị và anh Lê Văn L có hai con chung là Lê Quang T, sinh ngày 02 tháng 12 năm 1999 và Lê Thị O, sinh ngày 23 tháng 9 năm 2003. Từ khi chị bỏ đi đến nay các con chung đều ở với anh L. Chị đề nghị Tòa án giao con chung Lê Thị O cho chị nuôi dưỡng, về việc cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung Lê Quang T đã trưởng thành và có việc làm nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Lê Văn L trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Về thời gian, điều kiện kết hôn của anh và chị Mai Thị D theo như lời khai chị D đã khai là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, căng thẳng nhất từ năm 2020 đến nay. Nguyên nhân là do chị D nghi ngờ anh có quan hệ ngoại tình và ghen tuông vô cớ. Vì vậy, vợ chồng tình cảm lạnh nhạt, xa lánh. Từ tháng 5 năm 2020 đến nay, chị D đã bỏ về cư trú cùng với bố, mẹ đẻ chị D ở thôn H, xã Đ. Sau khi chị D bỏ đi, anh đã nhiều lần đến tìm chị D, nhưng không lần nào chị D trở về đoàn tụ cùng anh. Từ tháng 5 năm 2020 đến nay, anh và chị D sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định anh vẫn còn tình cảm với chị D nên chị D xin ly hôn anh không đồng ý, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng anh về đoàn tụ.

*Về con chung:* Anh và chị Mai Thị D có hai con chung theo như chị D đã trình bày là đúng. Từ khi chị D bỏ đi, hai con chung do anh trực tiếp nuôi dưỡng. Anh đề nghị Tòa án giao con chung Lê Thị O, sinh ngày 23 tháng 9 năm 2003 cho anh nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Lê Quang T, sinh ngày 02 tháng 12 năm 1999 đã trưởng thành và có việc làm, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung:* Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

*Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải

theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án đã vi phạm các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về nội dung:* Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.; Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, xử cho chị Mai Thị D được ly hôn anh Lê Văn L; giao con chung Lê Thị O, sinh ngày 23 tháng 9 năm 2003 cho anh L nuôi dưỡng. Đối với con chung Lê Quang T, sinh ngày 02 tháng 12 năm 1999 đã trưởng thành nên không giải quyết. Không giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản. Chị D phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Mai Thị D có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Lê Văn L. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Lê Văn L hiện đang cư trú tại thôn K, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt đương sự: Bị đơn anh Lê Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện An Dương tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Văn L.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị D và anh Lê Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01 tháng 02 năm 1999, nên theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Căn cứ lời khai của các đương sự, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở xác định: Quá trình chung sống, chị Mai Thị D và anh Lê Văn L đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, chị D có nghi ngờ anh L về tình cảm, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm cãi chửi nhau. Hiện tại hai bên đã cư trú mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Xét quan hệ hôn nhân của chị Mai Thị D và anh Lê Văn L là không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy, cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đề nghị xin được ly hôn của chị Mai Thị D đối với anh Lê Văn L. Anh Lê Văn L có quan điểm anh vẫn còn tình cảm với chị D nên anh L không đồng ý ly hôn, nhưng anh L không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn. Hơn nữa, Tòa án đã nhiều

lần báo anh L đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng anh L đều vắng mặt không có lý do, nên việc anh L không đồng ý ly hôn là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị Mai Thị D và anh Lê Văn L có hai con chung là Lê Quang T, sinh ngày 02 tháng 12 năm 1999 và Lê Thị O, sinh ngày 23 tháng 9 năm 2003. Xét thấy, chị D và anh L đều là lao động tự do nên khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con chung như nhau. Chị D và anh L đều có quan điểm đề nghị được nuôi dưỡng con chung Lê Thị O, con chung Lê Thị O do anh L nuôi dưỡng đã ổn định và có nguyện vọng được ở với bố. Nên để đảm bảo quyền lợi cho con chung cần giao con chung Lê Thị O cho anh L nuôi dưỡng. Đối với con chung Lê Quang T, sinh ngày 02 tháng 12 năm 1999 đã trưởng thành và có việc làm, các đương sự không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

[6] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Mai Thị D và anh Lê Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[7] Về tài sản chung: Chị Mai Thị D và anh Lê Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[8] Về án phí sơ thẩm: Chị Mai Thị D là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Chị Mai Thị D và anh Lê Văn L được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị D được ly hôn anh Lê Văn L.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Thị O, sinh ngày 23 tháng 9 năm 2003 cho anh Lê Văn L nuôi dưỡng đến khi con chung Lê Thị O đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Đối với con chung Lê Quang T, sinh

ngày 02 tháng 12 năm 1999 đã trưởng thành và có việc làm, các đương sự không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Mai Thị D và anh Lê Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

4. Về tài sản chung: Chị Mai Thị D và anh Lê Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

5. Về án phí: Chị Mai Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị D đã nộp số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn theo Biên lai thu tiền số 13239 ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương. Nên chị D không phải nộp nữa.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THA dân sự huyện An Dương;
- UBND xã Đ (ĐKKH ngày 01 tháng 02 năm 1999);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Minh Huế**





























